TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 84/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 16-8-2022
Về việc xin ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mỹ Trang
Ông Huỳnh Văn Thanh

-Thư ký phiên tòa:Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Ông Ngô Văn Điện - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 31/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022, về việc: "*Xin ly hôn, nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐST – HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đượng sự:

* ***Nguyên đơn***: **Chị Lê Thị Hoàng D**, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp A, xã M1, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

* ***Bị đơn:*** **Anh Lê Hoài P**, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B2, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Hoàng D trình bày: Nguyên vào đầu năm 2001, chị và anh Lê Hoài P qua mai mối, được gia đình hai bên chấp thuận tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo P tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 27/12/2002.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng cha mẹ chồng tại ấp B 2, xã H, huyện M được hơn một năm thì thuê nhà ở riêng để làm ăn sinh sống đến nay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận được hơn 05 năm thì đôi bên nhận ra không còn phù hợp nhau trong đời sống vợ chồng nên thường xuyên gây cãi, do bất đồng quan điểm sống. Từ đó làm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ 12/10/2021 đến nay. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Hoài P.

Con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Thành Đ, sinh ngày 29 tháng 02 năm 2004 và Lê Dư H1, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2005, hiện đang sống với cha là anh P, chị tự nguyện giao cháu H cho anh P được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con, cháu Đ đã trưởng thành và tự lo cho bản thân không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản khai ý kiến ngày 20/4/2022 bị đơn anh Lê Hoài P trình bày: anh và chị Lê Thị Hoàng D là vợ chồng, quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẩn nhưng không đáng kể, nguyên nhân là do bất đồng trong công việc làm ăn đỉnh điểm là đợt dịch do vợ anh đi làm đẹp, anh không đồng ý có đánh chị D hai tát tay, do đó chị D bỏ về cha cha mẹ ruột sống đến nay và yêu cầu ly hôn với anh. Nay anh còn rất thương vợ nên chị D yêu cầu yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý, anh yêu cầu đoàn tụ để lo cho con.

Về con chung theo chị D trình bày là đúng, anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung nợ chung phải thu, phải trả: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Hoàng D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Lê Hoài P vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Hoài P được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2001, chị Lê Thị Hoàng D và anh Lê Hoài P kết hôn theo P tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào ngày27/12/2002. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh P là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẩn vợ chồng chị D cho rằng vợ chồng hạnh phúc hơn 05 năm, sau đó thường xuyên mâu thuẩn, do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ 12/10/2021 đến nay. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Hoài P.

Anh P thừa nhận vợ chồng có mâu thuẩn, có đánh chị D và hiện nay chị D không chịu về sống chung với anh nữa nhưng không đồng ý ly hôn vì còn rất thương vợ, yêu cầu đoàn tụ để lo cho con chung. Tuy nhiên anh P không có biện pháp khắc phục cũng như thiện chí để vợ chồng đoàn tụ vì từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh P đều vắng mặt không có lý do. Do đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh P đã trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được, xét việc chị D yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ phù hợp với Điều 51 và 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

- Lê Thành Đ, sinh ngày 29 tháng 02 năm 2004 hiện đã trương thành tự lo cho bản thân không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Lê Dư H1, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2005, theo chị D và anh P cho rằng đang sống với cha là anh P. Quá trình giải quyết Tòa án yêu cầu chị D đưa cháu H1 đến Tòa án để trình bày nguyện vọng muốn sống với ai khi cha mẹ ly hôn nhưng chị D cho rằng anh P ngăn cản nên Tòa án không làm việc với cháu H. Tuy nhiên chị D cho rằng cuộc sống hiện nay của cháu H1 ổn định và tự nguyện giao cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, anh P cũng có yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử giao Lê Dư H cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con do bên trực tiếp nuôi con chưa yêu cầu cấp dưỡng con nên không xem xét.

[3] Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hoàng D.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Hoàng D được ly hôn với anh Lê Hoài P.

2/Về con chung:

- Lê Thành Đ, sinh ngày 29 tháng 02 năm 2004 hiện đã trưởng thành tự lo cho bản thân không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

-Giao con chung Lê Dư H1, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2005 cho anh Lê Hoài P được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bên trực tiếp nuôi dưỡng chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/Về án phí: Chị Lê Thị Hoàng D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M theo lai thu số No 0006932 ngày 14 tháng 02 năm 2022, chị D không

phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAT;
- VKSND huyện M;
- THADS huyện M;
-UBND xã H (2001);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Tám